

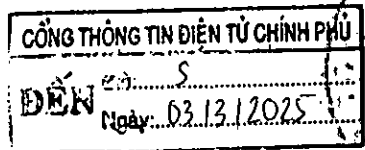
CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/NQ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 101/TTr-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2024 về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Trên cơ sở kết quả Phiếu lấy ý kiến của các thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

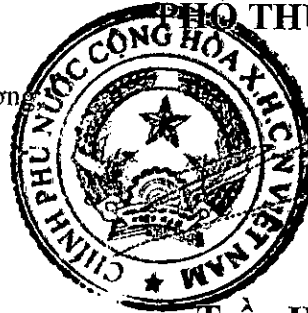
Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, NN (2) ₁₁₀

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trần Hồng Hà



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-CP
ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hoá quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá, định hướng, giải pháp và các dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024, nhằm triển khai hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Xác định được lộ trình và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nhằm giải quyết, xử lý các mâu thuẫn, chồng lấn về không gian trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển; thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế biển, kết cấu hạ tầng biển, ven biển; bảo vệ, bảo tồn các giá trị tự nhiên, di sản văn hoá - lịch sử trên các vùng đất ven biển và vùng biển của Việt Nam; tháo gỡ các điểm nghẽn, vướng mắc, bất cập, tiếp tục thu hút các nguồn lực trong xã hội trong việc thực hiện quy hoạch.

c) Phân công rõ trách nhiệm, nhiệm vụ và bảo đảm sự phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương có liên quan để thực hiện đồng bộ, hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm thực hiện đồng bộ, có tính kết nối, liên ngành, liên vùng, không trùng lặp, chồng chéo với các chương trình, dự án, nhiệm vụ trong các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh liên quan đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Phù hợp với nguồn lực tài chính và nhân lực, khoa học, kỹ thuật và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; huy động tối đa các nguồn lực, sự tham gia của các thành phần kinh tế và các bên liên quan; phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, tối ưu và hiệu quả; kết hợp hài hoà giữa các nguồn lực, đầu tư công có tính dẫn dắt thu hút nguồn vốn đầu tư từ xã hội để hiện thực hoá những nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá trong quy hoạch cho giai đoạn đến năm 2030.

II. CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH ĐẾN NĂM 2030

1. Các nhóm nhiệm vụ trọng tâm

a) Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách

- Rà soát, sửa đổi Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, các luật và văn bản pháp luật có liên quan để đảm bảo đồng bộ và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

- Xây dựng và triển khai cơ chế điều phối liên ngành về quản lý biển và tổ chức thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia.

- Xây dựng tiêu chí, quy chế xử lý những vùng chồng lấn, mâu thuẫn theo thứ tự ưu tiên trong khai thác và sử dụng không gian biển chưa được xác định trong Quy hoạch không gian biển quốc gia.

- Xây dựng và triển khai bộ tiêu chí chính sách phát triển quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển.

- Xây dựng và ban hành hướng dẫn, quy định triển khai phân vùng sử dụng không gian biển cấp địa phương.

- Xây dựng và ban hành các chính sách phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và kinh tế biển mới, gắn với triển khai thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

- Xây dựng các chính sách hỗ trợ và cơ chế đột phá cho phát triển các ngành kinh tế biển, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, khu thương mại tự do và khu ngoại quan ven biển, đảo và trên biển.

- Rà soát, xây dựng, sửa đổi các chính sách phát triển thủy sản biển, chính sách giao mặt nước biển hỗ trợ sản xuất thủy sản trên biển.

- Rà soát và điều chỉnh các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành có liên quan phù hợp với Quy hoạch không gian biển quốc gia.

- Đẩy nhanh hoàn thành phân định ranh giới quản lý hành chính trên biển giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính".

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi và xây dựng các cơ chế, chính sách pháp luật phục vụ phát triển kinh tế biển thuộc chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương có biển đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phát triển cơ sở hạ tầng ven biển, biển và hải đảo phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển

- Đẩy nhanh triển khai các chương trình, dự án, nhiệm vụ về phát triển cơ sở hạ tầng ven biển, biển và hải đảo đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thông qua các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch khác liên quan, nhất là cảng biển và giao thông kết nối cảng biển với nội địa; phát triển đồng bộ hệ thống đường hàng không, đường sắt, đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa và dịch vụ logistics gắn với phát triển ngành công nghiệp tàu thủy và vận tải biển.

- Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng ven biển, hải đảo đa mục tiêu, lưỡng dụng, đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Xây dựng các cơ sở dịch vụ hậu cần đa chức năng trên các đảo xa bờ theo mô hình dân - quân kết hợp trong phát triển kinh tế biển đảo, gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

- Chuyển đổi số, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quốc gia. Trước mắt, tập trung xây dựng và hoàn thiện Hệ thống kỹ thuật hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước về giao, sử dụng khu vực biển và giám sát nhận chìm ở biển đồng bộ, thống nhất.

- Bố trí nguồn lực để triển khai các chương trình, dự án, nhiệm vụ về phát triển thông tin liên lạc biển, thúc đẩy xây dựng, nâng cấp hạ tầng viễn thông, hạ tầng thông tin liên lạc theo hướng thông minh, an toàn, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo đảm kết nối giữa đất liền với các đảo, quần đảo, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh hạ tầng kinh tế số vùng ven biển, hải đảo theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch khác có liên quan đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Xây dựng và phát triển các đảo theo hướng kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp, có khả năng chống chịu cao gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Tập trung nguồn lực để triển khai hiệu quả Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021 - 2030; tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 đảm bảo phù hợp với định hướng của Quy hoạch không gian biển quốc gia.

- Nâng cấp hệ thống đê biển, đê cửa sông để tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng và phòng, chống xói lở bờ biển.

c) Nghiên cứu và phát triển các ngành kinh tế biển mới, theo hướng xanh, tuần hoàn các-bon thấp

- Xây dựng và phát triển hệ thống các sản phẩm du lịch biển, đảo của quốc gia theo hướng xanh, bền vững, có trách nhiệm gắn với phát triển các trung tâm nghỉ dưỡng biển; nâng cao đời sống văn hoá, xã hội của cư dân vùng biển, đảo; bảo tồn và phát huy các giá trị tự nhiên, văn hoá, lịch sử, bản sắc dân tộc trên cơ sở Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 509/QĐ- TTg ngày 13 tháng 6 năm 2024.

- Lập hồ sơ kiểm kê, xếp hạng di tích các cấp tỉnh, quốc gia, quốc gia đặc biệt; kiểm kê, đưa di sản văn hóa phi vật thể vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, di sản thế giới, di sản tư liệu, nhằm gìn giữ giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa biển đi đôi với xây dựng xã hội gắn kết, thân thiện với biển.

- Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2021 theo hướng xanh, tuần hoàn, các-bon thấp, chống chịu cao, gắn với bảo tồn biển và văn hoá biển, bảo đảm phù hợp với định hướng của Quy hoạch không gian biển quốc gia.

- Đẩy nhanh và thực hiện hoàn thành Đề án Phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đến năm 2025 theo Quyết định số 1077/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình quốc gia phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững giai đoạn 2022 - 2025, định hướng 2030 theo Quyết định số 1090/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Điều tra cơ bản về tài nguyên biển phục vụ phân vùng sử dụng không gian biển và phát triển kinh tế - xã hội

- Điều tra, đánh giá và xác định các khu vực ưu tiên cho phát triển điện gió ngoài khơi trên cơ sở các khu vực tiềm năng phát triển điện gió đã được xác định trong Quy hoạch không gian biển quốc gia.

- Điều tra, đánh giá và xác định các khu vực khai thác cát biển trên cơ sở các khu vực tiềm năng khai thác vật liệu xây dựng đã được xác định trong Quy hoạch không gian biển quốc gia để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò nhằm gia tăng trữ lượng và sản lượng khai thác dầu khí, các khoáng sản tại các khu vực có tiềm năng, nước sâu, xa bờ gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 28/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020.

đ) Phát triển khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế về biển, đảo

- Tăng cường nghiên cứu, phát triển các ngành kinh tế biển mới, nhiều tiềm năng (được liệu biển, y học biển, hóa học biển, các vật liệu mới).

- Nghiên cứu phát triển ngành công nghiệp thu hồi và lưu trữ khí nhà kính ở các bể trầm tích và cấu trúc địa chất ngoài khơi.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng ven biển, biển và hải đảo; phát triển các ngành kinh tế biển mới.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ vũ trụ và trí tuệ nhân tạo trong quan trắc, giám sát môi trường biển, dự báo, cảnh báo thiên tai, động đất, sóng thần, biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Trước mắt, tập trung nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS) giám sát việc thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia và các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo.

- Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, cập nhật, nâng cao kiến thức, trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ trong các ngành, lĩnh vực liên quan đến biển.

- Xây dựng và triển khai Đề án Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó đặc biệt quan tâm đến các lĩnh vực du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác khoáng sản biển, thủy sản, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới theo hướng xanh, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp... phục vụ nhu cầu phát triển bền vững kinh tế biển, nhằm hướng tới quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên biển và góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh biển, đảo.

- Xây dựng và triển khai Chương trình hành động thực hiện Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030.

- Xây dựng trung tâm, phòng thí nghiệm chuyên sâu, hiện đại, phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu, phát triển các ngành kinh tế biển mới, nhiều tiềm năng (được liệu biển, y học biển, hóa học biển, các vật liệu mới).

- Nghiên cứu xây dựng mô hình, giải pháp tích hợp kinh tế, sinh thái, môi trường và quốc phòng, an ninh để phát triển bền vững vùng ven biển.

- Tập trung nguồn lực thực hiện hoàn thành Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022.

- Thúc đẩy các hoạt động đàm phán, ký kết về phân định ranh giới biển giữa Việt Nam và các nước có liên quan; chủ động xây dựng, đàm phán và tham gia Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa đại dương.

- Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế trong việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, điều tra cơ bản, phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới, nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ môi trường, logistic biển, đào tạo nguồn nhân lực; chia sẻ thông tin, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển xuyên biên giới theo quy định của pháp luật.

e) Bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học biển

- Điều chỉnh mở rộng các khu bảo tồn hiện hữu; hoàn thành việc thành lập các khu bảo tồn biển, bảo vệ nguồn lợi đã được xác định; điều tra, khảo sát xác định, thành lập các khu bảo tồn, bảo vệ mới theo Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024; tập trung nguồn lực để triển khai hiệu quả Đề án mở rộng, thành lập mới các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2030 để đảm bảo diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 6% diện tích tự nhiên vùng biển Việt Nam và Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phân định các khu bảo tồn, bảo vệ biển, ven biển, hải đảo; bảo vệ và phát triển bền vững rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn; phục hồi các hệ sinh thái, rạn san hô, cỏ biển và các hệ sinh thái khác bị suy thoái để tăng diện tích bảo tồn, bảo vệ biển theo các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đẩy mạnh việc triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019.

- Kiểm soát, quản lý các nguồn thải và giải quyết các điểm nóng ô nhiễm môi trường trên biển, các vùng đất ven biển và đảo theo Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024.

- Tăng cường triển khai Đề án “Tăng cường phòng, chống tội phạm về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2025” trên các vùng biển, hải đảo của Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1623/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023.

2. Nguồn lực và sử dụng nguồn lực để triển khai thực hiện quy hoạch

a) Nguyên tắc xác định nguồn vốn

- Nguồn vốn đầu tư công

+ Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng trọng điểm, có quy mô lớn, mang tính liên vùng, liên ngành có sức lan tỏa cao, giải quyết nhu cầu thiết yếu, nút thắt đối với các vùng biển, ven biển và hải đảo.

+ Phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công để thúc đẩy, thu hút nguồn lực xã hội tham gia các công trình đầu tư, đặc biệt các ngành kinh tế biển, cơ sở dữ liệu số hoá về biển và hải đảo, bảo đảm tính tích hợp, cập nhật và chia sẻ.

- Các nguồn vốn ngoài đầu tư công

+ Bảo đảm nguồn vốn cho việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách; các dự án quản lý, khai thác tài nguyên biển, bảo vệ, bảo tồn các hệ sinh thái biển, quốc phòng, an ninh.

+ Tập trung cho công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; điều tra, đánh giá các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo tái tạo; các mô hình, giải pháp tích hợp kinh tế, sinh thái, môi trường và quốc phòng, an ninh để phát triển bền vững vùng ven biển và hải đảo; hợp tác khu vực và quốc tế về phòng, chống, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương.

b) Nguồn nhân lực thực hiện quy hoạch

- Các bộ, ban ngành và địa phương chủ trì, phối hợp với các bên liên quan triển khai Quy hoạch không gian biển quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi quản lý của mình.

- Huy động các tổ chức, cá nhân có liên quan ở trong và ngoài nước tham gia thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia.

3. Kế hoạch sử dụng đất

Hoạt động sử dụng đất ven biển và trên các hải đảo trong phạm vi của Quy hoạch không gian biển quốc gia được thực hiện trên cơ sở định hướng bố trí sử dụng không gian tại Điều 3 Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; theo Quy hoạch sử dụng đất quốc gia và chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và Điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm nêu trên, Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biện pháp tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch này theo các giải pháp dưới đây:

1. Về triển khai các chương trình, dự án

a) Bảo đảm tính đồng bộ, liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương; phân bổ nguồn lực không dàn trải, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn.

b) Ưu tiên vốn đầu tư công cho các dự án hạ tầng kỹ thuật quy mô lớn mang tính liên vùng, liên tỉnh và kết nối các vùng động lực quốc gia; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, đầu tư công có tính dẫn dắt thu hút nguồn vốn đầu tư từ xã hội để hiện thực hoá những nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá trong quy hoạch cho giai đoạn đến năm 2030.

c) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương trong đầu tư kết cấu hạ tầng, đặc biệt là các công trình hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên biển, hải đảo.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Đẩy mạnh cải cách hành chính, cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đặc biệt về phát triển cơ sở hạ tầng ven biển, biển và hải đảo phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển; nghiên cứu và phát triển các ngành kinh tế biển mới, theo hướng xanh, tuần hoàn các-bon thấp; phát triển khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế về biển, đảo.

b) Đổi mới mạnh mẽ chính sách và cách thức thu hút đầu tư nước ngoài; huy động vốn vay nước ngoài với điều kiện, lãi suất ưu đãi, phù hợp, hiệu quả, tập trung cho các dự án hạ tầng kỹ thuật quy mô lớn mang tính liên vùng, liên tỉnh và kết nối các vùng động lực quốc gia, có tính dẫn dắt thu hút nguồn vốn đầu tư từ xã hội để hiện thực hoá những nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá trong quy hoạch cho giai đoạn đến năm 2030.

c) Định hướng thu hút các thành phần kinh tế ngoài nhà nước có uy tín và năng lực tài chính, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, hệ thống quản trị hiện đại, các tập đoàn đa quốc gia hàng đầu thế giới đầu tư vào thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên của Kế hoạch, nhất là nghiên cứu và phát triển các ngành kinh tế biển mới, theo hướng xanh, tuần hoàn các-bon thấp.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

Thu hút và sử dụng hiệu quả trí tuệ, nguồn nhân lực ở trong nước, nhất là các cán bộ khoa học kỹ thuật từ các trường đại học, viện nghiên cứu và các cơ sở đào tạo, nghiên cứu liên quan ở trong nước và nước ngoài; ưu tiên nguồn nhân lực là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài công tác lâu năm ở Việt Nam.

4. Về bảo đảm an sinh xã hội

a) Việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phải bảo đảm sinh kế, chuyển đổi nghề nghiệp và an sinh xã hội bền vững cho người dân bị ảnh hưởng trong vùng dự án, đặc biệt là các chương trình, dự án liên quan đến phát triển cơ sở hạ tầng ven biển, biển và hải đảo phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển.

b) Từng bước chuyển đổi nghề, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư ven biển vốn thiếu phương tiện sản xuất, sinh kế phụ thuộc vào khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ nhằm bảo đảm việc làm cho người dân ven biển và trên các đảo.

5. Về khoa học, công nghệ, môi trường và hợp tác quốc tế

a) Lựa chọn và tập trung hỗ trợ triển khai nghiên cứu ứng dụng phát triển công nghệ cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng, đặc biệt là các ngành kinh tế biển mới, theo hướng xanh, tuần hoàn các-bon thấp; công nghệ thông tin, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng ven biển, biển và hải đảo; điều tra cơ bản tài nguyên biển; tìm kiếm, khai thác, thăm dò dầu khí và các loại khoáng sản biển khác.

b) Tăng cường hợp tác với các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế, tổ chức tài chính, cơ quan tài trợ trong việc huy động nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ các chương trình, dự án ưu tiên.

6. Về bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Phân bổ, cơ cấu lại ngân sách nhà nước, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa chi đầu tư công với các nguồn chi khác theo hướng tăng dần cho chi đầu tư phát triển; cơ cấu lại các đầu tư theo hướng trọng tâm, trọng điểm và không dàn trải, nâng cao hiệu quả, hiệu lực phân bổ, giải ngân vốn đầu tư.

b) Huy động các nguồn vốn ODA, vốn vay nước ngoài ưu đãi và các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước từ các thành phần kinh tế trong và nước ngoài để triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch.

7. Về bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế kinh tế - xã hội và các ngành kinh tế biển với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trên các vùng ven biển, biển và hải đảo phù hợp với chiến lược, đề án quốc phòng, an ninh.

b) Đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng ven biển, biển, hải đảo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Điều phối thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia

Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là cơ quan điều phối liên ngành, liên địa phương thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ban ngành, cơ quan trung ương trong việc tổ chức công bố công khai Quy hoạch không gian biển quốc gia theo quy định của pháp luật bằng các hình thức phù hợp với tình hình thực tế, từng nhóm đối tượng; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về Quy hoạch không gian biển quốc gia.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có biển xây dựng Cơ chế điều phối liên ngành; tổ chức hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương thực hiện hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ban ngành, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển tổ chức thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia; đề xuất điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ban ngành, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển xây dựng báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch; báo cáo, đề xuất việc điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp cần thiết để kịp thời giải quyết các vướng mắc, bất cập, phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế.

đ) Chủ trì xây dựng Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo sửa đổi và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo sửa đổi theo nhiệm vụ được phân công; kịp thời xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành các văn bản hướng dẫn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền ban hành; tiếp tục tham mưu kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển, đảo ở cấp trung ương và địa phương có biển để thực hiện hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia.

e) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương có biển rà soát, đánh giá, xây dựng Kế hoạch thực hiện quy hoạch theo từng kỳ quy hoạch, điều chỉnh danh mục nhiệm vụ, dự án trong từng giai đoạn; phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí vốn trong kế hoạch trung hạn và hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án liên quan thuộc quy hoạch.

g) Tham gia ý kiến đối với việc lập, điều chỉnh các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch tỉnh, các quy hoạch khác có liên quan bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch không gian biển quốc gia.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì rà soát, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí, giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm để thực hiện các nhóm nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan liên quan nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút, huy động các nguồn vốn khác ngoài đầu tư công để thực hiện hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia.

4. Bộ Tài chính

Chủ trì, căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước bố trí kinh phí từ các nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện hiệu quả các nhóm nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

5. Bộ Quốc phòng

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng các chương trình, đề án, dự án phù hợp với Quy hoạch không gian biển quốc gia về lĩnh vực quốc phòng; tham gia cho ý kiến về các chương trình, đề án, dự án đầu tư có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên biển phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế trong phạm vi của quy hoạch, bảo đảm kết hợp phát triển các ngành kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch liên quan đến quốc phòng, an ninh phù hợp với Quy hoạch không gian biển quốc gia; phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan phổ biến, thông tin, tuyên truyền đến các quốc gia, các tổ chức, cá nhân nước ngoài về Quy hoạch không gian biển quốc gia theo quy định của pháp luật bằng các hình thức phù hợp với tình hình thực tế; tham gia giải quyết các vấn đề quốc tế phát sinh, biến động trong quá trình triển khai quy hoạch.

6. Bộ Công an

Phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong công tác bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển, đảm bảo an ninh quốc gia, an ninh trật tự, môi trường hoà bình, ổn định góp phần nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng không gian biển, xây dựng quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển.

7. Bộ Ngoại giao

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thúc đẩy đàm phán phân định ranh giới trên biển; đàm phán, ký kết các điều ước, thỏa thuận quốc tế về khai thác, sử dụng tài nguyên tại các vùng biển chưa phân định ranh giới; trao đổi, tiếp xúc đối ngoại về Quy hoạch không gian biển quốc gia.

b) Chủ động, tích cực phát huy vai trò đối ngoại và thúc đẩy hợp tác quốc tế nhằm thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ việc triển khai Quy hoạch không gian biển quốc gia.

8. Bộ Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan sớm hoàn thành phân định ranh giới quản lý hành chính đối với các địa phương có biển, đảo.

b) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan trong việc tham mưu kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển, đảo ở cấp trung ương và địa phương có biển để thực hiện hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia.

9. Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường lập, điều chỉnh các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch khác có liên quan bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch không gian biển quốc gia.

b) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc tổ chức công bố công khai Quy hoạch không gian biển quốc gia theo quy định của pháp luật bằng các hình thức phù hợp với tình hình thực tế, từng nhóm đối tượng; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, hướng dẫn tăng cường năng lực, nhận thức của các tổ chức, cá nhân về Quy hoạch không gian biển quốc gia.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách, giải pháp phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý để đạt được các mục tiêu đã đề ra trong Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia.

d) Đánh giá việc thực hiện quy hoạch theo lĩnh vực, phạm vi quản lý; phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường đánh giá thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia hằng năm, 05 năm theo quy định của pháp luật về quy hoạch, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh quy hoạch kịp thời cho phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế.

đ) Tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để triển khai hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện và trước tháng 12 hằng năm gửi báo cáo tình hình thực hiện về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ; triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án theo phân công tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

10. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường lập, điều chỉnh quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch không gian biển quốc gia.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong vùng xây dựng, triển khai các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tổ chức thực hiện chương trình, dự án sau quy hoạch theo phân cấp quản lý nhà nước; đồng thời, có phương án huy động mọi nguồn lực để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án theo thẩm quyền, trách nhiệm được giao trong Quy hoạch không gian biển quốc gia.

c) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp chính quyền và người dân hiểu đầy đủ, chính xác về Quy hoạch không gian biển quốc gia.

d) Đánh giá việc thực hiện quy hoạch thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường đánh giá thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia hàng năm, 05 năm theo quy định của pháp luật về quy hoạch, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh quy hoạch kịp thời cho phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện và trước tháng 12 hằng năm gửi báo cáo tình hình thực hiện về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ; tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án theo phân công tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

đ) Trình Hội đồng nhân dân chủ động bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ được giao theo phân cấp ngân sách hiện hành.



Phụ lục I
ĐU KIẾN PHÂN KỲ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH,
ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN
(Kèm theo Kế hoạch tại Nghị quyết số 37/NQ-CP
ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Tên chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
1	Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng ven biển, hải đảo đa mục tiêu, lưỡng dụng, đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng							
-	Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng ven biển, hải đảo đa mục tiêu, lưỡng dụng, đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Ủy ban nhân dân các tỉnh có biển	Các bộ, ban, ngành liên quan	x	x		x	x
-	Xây dựng và hoàn thiện Hệ thống kỹ thuật hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước về giao, sử dụng khu vực biển và giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quốc gia bảo đảm đồng bộ, thống nhất	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có biển	x	x			x
2	Xây dựng các cơ sở dịch vụ hậu cần đa chức năng trên các đảo xa bờ theo mô hình dân - quân kết hợp trong phát triển kinh tế biển đảo, gắn với nhiệm vụ bảo vệ	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành, địa phương có biển	x	x	x	x	x

STT	Tên chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
	chủ quyền quốc gia trên biển							
3	Phát triển nguồn nhân lực biển để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia							
-	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng ven biển, biển và hải đảo; phát triển các ngành kinh tế biển mới	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương có biển	x	x			x
-	Xây dựng và triển khai Đề án đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành và địa phương có biển	x	x	x		x
-	Xây dựng và triển khai Chương trình đào tạo, cập nhật, nâng cao kiến thức, trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ trong các ngành, lĩnh vực liên quan đến biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương có biển	x	x			x
-	Xây dựng và triển khai Chương trình hành động thực hiện Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và địa phương có biển	x	x			x

STT	Tên chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
-	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS) giám sát việc thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia và các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có biển	x	x			x
4	Phát triển bền vững du lịch, dịch vụ biển và hải đảo gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa biển để xây dựng quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển							
-	Xây dựng và phát triển hệ thống các sản phẩm du lịch biển, đảo của quốc gia theo hướng xanh, bền vững, có trách nhiệm gắn với phát triển các trung tâm nghỉ dưỡng biển; nâng cao đời sống văn hoá, xã hội của cư dân vùng biển, đảo; bảo tồn và phát huy các giá trị tự nhiên, văn hoá, lịch sử, bản sắc dân tộc	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành và địa phương có biển	x	x	x		x
-	Lập hồ sơ kiểm kê, xếp hạng di tích các cấp tỉnh, quốc gia, quốc gia đặc biệt; kiểm kê, đưa di sản văn hóa phi vật thể vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, di sản thế giới, di sản tư liệu	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	x	x			x
5	Phát triển nhanh và bền vững kinh tế thủy sản xanh, tuần							

STT	Tên chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
	hoàn, các-bon thấp, có khả năng chống chịu cao trên cơ sở sử dụng hiệu quả tài nguyên gắn với bảo tồn biển và văn hoá biển, đảo, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế							
-	Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển theo hướng xanh, tuần hoàn, các-bon thấp, chống chịu cao, gắn với bảo tồn biển và văn hoá biển, bảo đảm phù hợp với định hướng của Quy hoạch không gian biển quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành và địa phương có biển	x	x			x
6	Phát triển các đảo theo hướng kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp, có khả năng chống chịu cao gắn với bảo đảo quốc phòng, an ninh	Ủy ban nhân dân các tỉnh có biển	Các bộ, ngành, cơ quan trung ương	x	x	x	x	x
7	Điều tra, đánh giá, khai thác hiệu quả, bền vững một số loại khoáng sản biển gắn với bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và bảo đảm quốc phòng, an ninh							
-	Điều tra, đánh giá và xác định các khu vực khai thác cát biển trên cơ sở các khu vực tiềm năng khai thác vật liệu	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương có biển	x	x			x

STT	Tên chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
	xây dựng đã được xác định trong Quy hoạch không gian biển quốc gia							
8	Điều tra, đánh giá, khai thác hiệu quả, bền vững các nguồn năng lượng tái tạo							
-	Điều tra, đánh giá và xác định các khu vực ưu tiên cho phát triển điện gió ngoài khơi trên cơ sở các khu vực tiềm năng phát triển điện gió đã được xác định trong Quy hoạch không gian biển quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương có biển	x	x			x
9	Nghiên cứu phát triển ngành công nghiệp thu hồi và lưu trữ khí nhà kính ở các bể trầm tích và cấu trúc địa chất ngoài khơi							
-	Nghiên cứu, phát triển ngành công nghiệp thu hồi và lưu trữ khí nhà kính ở các bể trầm tích và cấu trúc địa chất ngoài khơi	Bộ Công thương (Tập Đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam)	Các bộ, ngành và địa phương có biển	x	x	x		x
10	Nghiên cứu, điều tra, đánh giá, lượng hóa giá trị kinh tế, khả năng chống chịu, phục hồi để sử dụng							

STT	Tên chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
	bền vững, hiệu quả các hệ sinh thái biển							
-	Điều tra cơ bản và tìm kiếm, thăm dò nhằm gia tăng trữ lượng và sản lượng khai thác dầu khí, các khoáng sản tại các khu vực tiềm năng, nước sâu, xa bờ gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển	Bộ Công thương (Tập Đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam)	Các bộ, ngành và địa phương có biển	x	x	x		x
11	Nghiên cứu, phát triển các ngành kinh tế biển mới, nhiều tiềm năng (như dược liệu biển, y học biển, hóa học biển, các vật liệu mới)							
-	Nghiên cứu, phát triển các ngành dược liệu biển, y học biển	Bộ Y tế	Các bộ, ngành và địa phương có biển	x	x	x		x
-	Nghiên cứu, phát triển các ngành hóa học biển, các vật liệu mới	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương có biển	x	x	x		x
12	Nghiên cứu xây dựng mô hình, giải pháp tích hợp kinh tế, sinh thái, môi trường và quốc phòng, an ninh để phát triển bền vững vùng ven biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương có biển			x		x



Phụ lục II
XÂY DỰNG CÁC CHÍNH SÁCH, TIÊU CHÍ VÀ
GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN QUỐC GIA MẠNH VỀ BIỂN, GIÀU TỪ BIỂN
(Kèm theo Kế hoạch tại Nghị quyết số 37/NQ-CP
ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
					Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
1	Rà soát, sửa đổi Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, các luật và văn bản pháp luật có liên quan để đảm bảo đồng bộ và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương có biển	Năm 2026		x
2	Xây dựng tiêu chí, quy chế xử lý chồng lấn, mâu thuẫn theo thứ tự ưu tiên trong khai thác và sử dụng không gian biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương có biển	Năm 2026		x
3	Xây dựng và triển khai bộ tiêu chí chính sách phát triển quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và địa phương có biển	Năm 2026		x
4	Xây dựng và ban hành hướng dẫn, quy định triển khai phân vùng sử dụng không gian biển cấp địa phương	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương có biển	Năm 2026		x
5	Xây dựng và ban hành các chính sách phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và kinh tế biển mới, gắn với triển khai thực hiện Chiến lược phát triển	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và địa phương có biển	Năm 2027		x

STT	Nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
					Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
	bền vững kinh tế biển Việt Nam					
6	Xây dựng các chính sách hỗ trợ và cơ chế đột phá cho phát triển các ngành kinh tế biển, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, khu thương mại tự do và khu ngoại quan ven biển, đảo và trên biển	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và địa phương có biển	Năm 2027		x
7	Rà soát, xây dựng, sửa đổi các chính sách phát triển thủy sản biển, chính sách giao mặt nước biển hỗ trợ sản xuất thủy sản trên biển	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành và địa phương có biển	Năm 2027		x